

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Việt Trung

Bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Ông Hà Đình Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phương Th, sinh năm 1987.

“Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt”

Trú tại: Khu 4, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đồng T, sinh năm 1987

“Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Trú tại: Thôn T, xã M1, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, xã Vô Tranh, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-5-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện TY,

tỉnh Yên Bái vào ngày 07-12-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 03-8-2010 thì anh Nguyễn Đồng T bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy và đưa người sang Trung Quốc trái phép và bị phạt 15 năm tù. Do thời gian anh T cải tạo quá lâu nên tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa. Do đó chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đồng T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đồng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 30-7-2010. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu anh Nguyễn Đồng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17-7-2023, bị đơn anh Nguyễn Đồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị Phương Th trên cơ sở tự nguyện của đôi bên. Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Trần Thị Phương Th trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đến năm 2010 thì anh bị bắt và xử phạt 15 năm tù. Từ đó tình cảm vợ chồng đi xuống, không còn quan tâm hỏi han nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Trần Thị Phương Th nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh với chị Trần Thị Phương Th có 01 con chung là Nguyễn Phương Nhi, sinh ngày 30-7-2010. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Nhi cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định là không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại đơn nguyện vọng, cháu Nguyễn Phương Nhi có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị Phương Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Phương Th đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Mặt khác, anh Nguyễn Đồng T đang phải chấp hành án và còn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227,

Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương Th được ly hôn anh Nguyễn Đồng T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Nhi, sinh ngày 30-7-2010 cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Nguyễn Đồng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Phương Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Anh Nguyễn Đồng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã M1, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phương Th thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 07-12-2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T đều trình bày là do thời gian anh Nguyễn Đồng T đi chấp hành án dài nên tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị Trần Thị Phương Th được ly hôn anh Nguyễn Đồng T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 30-7-2010. Ly hôn, chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T đều đề nghị giao cháu Nhi cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu N đang ở với chị Trần Thị Phương Th và có nguyện vọng được ở với chị Trần Thị Phương Th. Do đó, cần giao cháu N cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Phương Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Đồng T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương Th được ly hôn anh Nguyễn Đồng T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 30-7-2010 cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Nguyễn Đồng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000387 ngày 08-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận chị Trần Thị Phương Th đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã M1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy